

BẢN TÓM TẮT ĐỀ ÁN
Thành lập thành phố Quảng Ninh trên cơ sở địa giới hành chính
tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính; Quyết định số 891/QĐ-TTg 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 368/QĐ-TTg 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 80/QĐ-TTg 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thực hiện Thông báo số 14-TB/VPTW ngày 13/02/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong chuyến thăm, làm việc với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh; Kết luận tại Phiên họp ngày 03/4/2026 của Bộ Chính trị đã thống nhất tán thành chủ trương thành lập thành phố Quảng Ninh trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Quảng Ninh;

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh xây dựng Đề án thành lập thành phố Quảng Ninh trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Quảng Ninh với các nội dung cơ bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT

1. Thành lập thành phố Quảng Ninh hướng tới xây dựng thành phố thông minh là bước cụ thể hóa quan điểm, định hướng, mục tiêu của Bộ Chính trị và Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng về phát triển hệ thống đô thị nước ta

a) Tại các văn bản quan trọng như: (1) Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đặt ra mục tiêu giai đoạn tới đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới. Theo đó, tỷ lệ đô thị hóa của nước ta đến năm 2030 đạt trên 50% và đến năm 2045 tỷ lệ đô thị hóa thuộc nhóm trung bình cao của khu vực

ASEAN và Châu Á; (2) Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra mục tiêu đến năm 2030, đồng bằng sông Hồng có hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đô thị thông minh, có tính kết nối, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 55%; (3) Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đặt ra các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển chủ yếu 05 năm 2026 - 2030 là tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 đạt trên 50%; phát triển hệ thống đô thị tập trung vào xây dựng đô thị xanh, thông minh, hiện đại, có bản sắc riêng, kết hợp hài hòa giữa truyền thống và sáng tạo, hướng tới đô thị phát triển nhanh, bền vững và kết nối quốc tế; đồng thời, hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các vùng kinh tế trọng điểm, các đô thị, các đặc khu kinh tế thế hệ mới ngang tầm khu vực và toàn cầu. (4) Thông báo số 14-TB/VPTW ngày 13/02/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về Kết luận của Đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm trong chuyến thăm, làm việc với Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh đã yêu cầu tỉnh Quảng Ninh cần “Tái cấu trúc không gian phát triển, tích hợp biển, đảo, biên giới, di sản, đô thị thành một hệ thống sinh thái hoàn chỉnh, cần chuyển đổi từ tổ chức không gian phân tán sang tích hợp, từ địa giới hành chính sang hệ sinh thái đa dạng, trung tâm mở và liên kết trong cấu trúc phát triển quốc gia, đặc biệt là hành lang ven biển Bắc Bộ và chuỗi kết nối Việt Nam - Trung Quốc - ASEAN”; *thống nhất chủ trương tỉnh Quảng Ninh xây dựng các đề án trình cấp có thẩm quyền nghiên cứu, giải quyết (trong đó có đề án thành phố Quảng Ninh trực thuộc Trung ương)*. (5) Các định hướng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đều xác định đến năm 2030, tỉnh Quảng Ninh là đô thị loại I, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Cụ thể hóa các quan điểm, định hướng, mục tiêu phát triển đô thị nêu trên, gắn với bối cảnh thế giới đang bước vào giai đoạn tái định hình sâu sắc về kinh tế, công nghệ và môi trường, Quảng Ninh cũng không đứng ngoài cuộc khi theo đuổi một chiến lược phát triển mang tầm nhìn dài hạn. Đó là quá trình chuyển đổi kép gồm chuyển đổi số và chuyển đổi xanh như hai bánh răng đồng trục, cùng thúc đẩy lẫn nhau để vận hành theo định hướng mô hình đô thị thông minh, kiểu mẫu và bền vững. Đây không chỉ là lựa chọn về kỹ thuật hay chính sách, mà là yêu cầu phát triển tất yếu. Khi biến đổi khí hậu đe dọa trực tiếp các đô thị ven biển như Quảng Ninh, chuỗi cung ứng toàn cầu đang dịch chuyển dưới áp lực số hóa và xanh hóa thì việc kết hợp giữa tư duy công nghệ và tư duy sinh thái là con đường tất yếu để vươn lên.

Nhằm hiện thực hóa các mục tiêu trên, thời gian qua, tỉnh Quảng Ninh đã dồn lực phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, liên kết, hội nhập, tạo động lực và đột phá chiến lược cho giai đoạn phát triển mới theo mô hình đô thị thông minh, kiểu mẫu của vùng Đông Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội và cả nước. Theo đó, tỉnh tập trung trọng điểm vào ba trụ cột số hóa ưu tiên, bao gồm: Thứ nhất là sản xuất công nghệ cao, trong đó đẩy mạnh ứng dụng tự động hóa, trí tuệ nhân tạo (AI) và truy xuất dữ liệu theo thời gian thực tại các khu công

nghiệp nhằm nâng cao năng suất và khả năng thích ứng với thị trường. Thứ hai là tài chính công nghệ, với định hướng kết nối hệ sinh thái tài chính với các khu công nghệ cao, hình thành chuỗi giá trị dịch vụ kỹ thuật số và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Thứ ba là logistics liên vùng, tập trung phát triển đồng bộ hạ tầng logistics gắn với các đầu mối giao thông trọng điểm, qua đó tối ưu dòng chảy thương mại nội địa và liên vùng. Xác định hạ tầng là “bước đi trước một bước”, là “trục xương sống” tạo ra động lực mới cho phát triển với việc đầu tư phát triển hệ thống đường, cầu, cảng biển, sân bay,... theo chiến lược, lấy liên kết vùng, kết nối quốc tế và phát triển bền vững làm định hướng trung tâm. Trong giai đoạn 2026 - 2030, tỉnh Quảng Ninh sẽ ưu tiên nguồn lực cho các công trình hạ tầng giao thông trọng điểm, hiện đại, đa phương thức với hệ thống giao thông được quy hoạch tổng thể, liên hoàn, đồng bộ giữa đường bộ, đường sắt, đường biển, đường hàng không, đường thủy nội địa và đường ven biển, tạo thành một mạng lưới giao thông mở, thúc đẩy giao thương, du lịch và logistics phát triển mạnh mẽ.

Song song với chuyển đổi số, Quảng Ninh định hướng chuyển đổi xanh là trực nền tảng để phát triển bền vững. Theo đó, các khu công nghiệp sinh thái, khu phát thải ròng bằng 0, khu công nghệ cao được chú trọng đầu tư, hướng tới mô hình cộng sinh công nghiệp và dịch vụ. Đây là bước chuyển quan trọng để thu hút các ngành sản xuất công nghệ cao, công nghiệp sạch và dịch vụ chất lượng cao những lĩnh vực mang lại giá trị gia tăng lớn, thân thiện với môi trường, phù hợp với định hướng tăng trưởng xanh.

Như vậy, có thể khẳng định việc thành lập thành phố Quảng Ninh góp phần tích cực, có ý nghĩa to lớn trong việc thực hiện các quan điểm, mục tiêu, định hướng của Trung ương về phát triển hệ thống đô thị nước ta, hướng tới xây dựng hoàn thiện mô hình đô thị thông minh tỉnh Quảng Ninh gắn với chuyển đổi số, là bước cụ thể hóa kịp thời Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đồng thời triển khai thực hiện ngay Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng; Theo đó, thành phố Quảng Ninh sau khi được thành lập sẽ phát triển theo mô hình “đô thị thông minh, kiểu mẫu”, gắn kết hạ tầng, không gian xanh, sinh thái, bảo vệ môi trường với kết cấu hạ tầng hiện đại, dịch vụ công nghệ cao, ứng dụng công nghệ để nâng cao chất lượng quản lý và cuộc sống người dân.

2. Thành lập thành phố Quảng Ninh là thành phố biên giới (đất liền và trên biển) đầu tiên và duy nhất của nước ta với vai trò quan trọng trong hợp tác phát triển và là cầu nối giữa Việt Nam với các nước trong khu vực

a) Quảng Ninh tiếp giáp với thành phố Đông Hưng thuộc tỉnh Quảng Tây, nằm ngay đối diện với cửa khẩu Móng Cái, là một thành phố cửa khẩu lớn, sôi động; cách đó không xa là thành phố Nam Ninh - Thủ phủ của Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, có vai trò quan trọng trong giao thương với Việt Nam và ASEAN,... Đây là các đô thị có vai trò quan trọng của Trung Quốc, là điểm trung chuyển hàng hóa, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu, tạo ra các chuỗi giá trị sản

xuất và dịch vụ xuyên biên giới; nơi tập trung các hoạt động đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng logistics hỗ trợ thương mại quốc tế. Việc thành lập thành phố Quảng Ninh với mô hình thành phố xanh, thông minh, hiện đại, dịch vụ chất lượng cao,... sẽ là một trong những đối trọng về phát triển đô thị và dịch vụ giữa Việt Nam với các đô thị biên giới lớn của Trung Quốc, tạo ra sự cạnh tranh lành mạnh và thu hút đầu tư; tạo sự khác biệt so với các thành phố Trung Quốc bằng mô hình phát triển bền vững, hiện đại và có giá trị gia tăng cao.

b) Tỉnh Quảng Ninh có vị trí chiến lược vô cùng quan trọng; là tỉnh có cả biên giới trên bộ và trên biển giáp Trung Quốc tạo thành cửa ngõ quan trọng kết nối Việt Nam với khu vực Đông Bắc Á và các nước khu vực Asean. Theo đó, với Trung Quốc thì Quảng Ninh là cửa ngõ chính (qua cửa khẩu Móng Cái), thúc đẩy xuất nhập khẩu và giao thương hàng hóa; Trung Quốc hiện là một trong những nhà đầu tư nước ngoài hàng đầu vào Việt Nam, dẫn đầu về số lượng dự án FDI mới, đặc biệt trong những năm gần đây dòng vốn và chất lượng đầu tư tăng mạnh, tập trung vào công nghệ cao và sản xuất; với khu vực Đông Bắc Á và các nước ASEAN thì Quảng Ninh là cầu nối giữa Trung Quốc với các nước khu vực ASEAN, giữa Việt Nam với khu vực Đông Bắc Á và các nước khu vực Asean thông qua hệ thống cảng biển và logistics, với hạ tầng logistics hiện đại, biến thành trung tâm logistics quan trọng, trung chuyển hàng hóa cho toàn khu vực.

Như vậy, với các lợi thế sở hữu hệ thống cao tốc, sân bay, cảng biển, cửa khẩu hiện đại, đồng bộ; các chính sách thu hút đầu tư mạnh mẽ, linh hoạt, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và vị trí chiến lược, là mũi nhọn kinh tế vùng Bắc bộ, tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh,... thì việc thành lập thành phố Quảng Ninh sẽ tiếp tục củng cố vai trò của Quảng Ninh là cửa ngõ giao thương chiến lược, kết nối Việt Nam với Trung Quốc, Đông Bắc Á và các nước khu vực ASEAN qua hạ tầng giao thông đồng bộ, thúc đẩy kinh tế cửa khẩu, du lịch quốc tế và logistics, trở thành trung tâm kết nối vùng, cửa ngõ quốc tế quan trọng, từ đó hội nhập sâu rộng hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu và phát triển kinh tế biển bền vững.

3. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của tỉnh Quảng Ninh đối với vùng Đông Bắc bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội và cả nước

a) Quảng Ninh có vị trí địa lý chiến lược và đóng vai trò quan trọng, được ví như “viên ngọc quý”, “đầu tàu” kinh tế và “cực” phát triển của cả khu vực, đồng thời là một trong những cửa ngõ giao thương chính của Việt Nam với thế giới.

- Tỉnh Quảng Ninh nằm ở phía Đông Bắc, vừa thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, vừa thuộc vùng duyên hải Bắc Bộ, nơi có Di sản thiên nhiên thế giới Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà được UNESCO 03 lần công nhận và là một trong 07 kỳ quan thiên nhiên mới của thế giới. Tỉnh Quảng Ninh được ví như một “Việt Nam thu nhỏ”, có đa dạng các loại địa hình từ đồng bằng, vùng núi, ven biển,...; là tỉnh miền núi, trung du nằm ở vùng duyên hải, với hơn 80% đất đai là đồi núi; địa

hình của tỉnh đa dạng có thể chia thành 03 vùng gồm có vùng núi, vùng trung du, đồng bằng ven biển, vùng biển và hải đảo.

- Với vị trí địa lý đặc thù, đường bờ biển dài và nhiều cảng biển nước sâu quan trọng (như cảng Cái Lân, cảng Vân Đồn), Quảng Ninh đóng vai trò quan trọng và là cửa ngõ kết nối liên quốc gia, liên vùng và liên tỉnh. Cửa ngõ thứ nhất: Quảng Ninh là địa phương duy nhất ở Việt Nam có đường biên giới cả trên bộ lẫn trên biển với Trung Quốc, với Cửa khẩu quốc tế Móng Cái là điểm trung chuyển hàng hóa quốc tế sầm uất bậc nhất cả nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế cửa khẩu và thương mại song phương. Do đó, khi hai quốc gia tiến hành hợp tác phát triển dựa theo tuyến hành lang kinh tế, Quảng Ninh là một địa phương của Việt Nam nằm trong khu vực hợp tác “hành lang - con đường” giữa Việt Nam và Trung Quốc. Cửa ngõ thứ hai: Quảng Ninh là một cửa ngõ kết nối vùng đồng bằng sông Hồng với vùng Trung du miền núi phía Bắc. Cửa ngõ thứ ba: cùng với Hải Phòng, Quảng Ninh là cửa ngõ ra biển cho toàn miền Bắc, đặc biệt đi qua Quảng Ninh là đường ra biển nhanh nhất của 02 tỉnh năng động nhất vùng Trung du và miền núi phía Bắc hiện nay là Bắc Ninh và Lạng Sơn. Cùng với Hà Nội và Hải Phòng, Quảng Ninh được xác định là một cực trong tam giác phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ; trong đó Quảng Ninh tiếp giáp với Hải Phòng, tạo ra một cặp địa phương bổ trợ phát triển lẫn nhau, hình thành một trung tâm biển mạnh của Việt Nam thông qua hệ thống hạ tầng giao thông phát triển đồng bộ, hiện đại.

b) Quảng Ninh là một trong những tỉnh có hệ thống hạ tầng giao thông phát triển đồng bộ, hiện đại và đột phá nhất cả nước. Tỉnh đã đi đầu trong việc đầu tư, xây dựng các công trình giao thông trọng điểm, tạo ra lợi thế kết nối liên vùng mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Hệ thống giao thông của Quảng Ninh phát triển trên cả 5 hình thức: đường bộ, đường biển, đường hàng không, đường sắt và đường thủy nội địa.

Những yếu tố quan trọng này tạo cho Quảng Ninh lợi thế cạnh tranh vượt trội, là động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng Đông Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội và cả nước. Sau khi trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, Quảng Ninh tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng giao thông để hoàn thiện mạng lưới đồng bộ, hiện đại với trọng tâm là phát triển kinh tế biển và dịch vụ logistics.

4. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu động lực thúc đẩy sự phát triển của vùng phía Bắc nước ta

a) Thời gian qua, Quảng Ninh liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP cao nhất cả nước, là động lực thúc đẩy sự phát triển chung của toàn vùng; là trung tâm năng lượng quốc gia đảm bảo an ninh năng lượng cho cả vùng và toàn quốc; với di sản Vịnh Hạ Long, du lịch là ngành kinh tế mũi nhọn, thu hút lượng lớn du khách và nguồn thu cho cả khu vực; là điểm đến hấp dẫn bậc nhất về FDI và đầu

tư công, đi đầu trong việc xây dựng hệ thống cao tốc và sân bay quốc tế, tạo tiền đề cho sự phát triển đồng bộ hạ tầng của cả vùng. Giai đoạn 2021 - 2025, kinh tế - xã hội của tỉnh đạt tốc độ tăng trưởng dẫn đầu cả nước. Quảng Ninh liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao, thuộc nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước. Năm 2025, GRDP ước tính đạt mức tăng trưởng cao, đạt 11,89%; quy mô nền kinh tế ước đạt 368.445 tỷ đồng; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo định hướng; GRDP bình quân đầu người ước đạt 10.402 USD; năng suất lao động xã hội đạt 537 triệu đồng/người, tăng 11,6%. Quảng Ninh đã nỗ lực thu hút vốn FDI, với mục tiêu đạt 3 tỷ USD trong cả năm, nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút FDI, cho thấy môi trường đầu tư kinh doanh được duy trì ổn định. Lượng khách du lịch và doanh thu từ du lịch có sự phục hồi và tăng trưởng đáng kể. Tỉnh tiếp tục chuyển đổi thành công mô hình tăng trưởng khu vực dịch vụ, du lịch, công nghiệp chế biến, chế tạo công nghệ cao, ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế. Tổng thu ngân sách nhà nước luôn vượt dự toán được giao. Đặc biệt, thu nội địa tăng trưởng mạnh mẽ, cho thấy nội lực kinh tế vững chắc, khẳng định vị thế là một trong những địa phương đóng góp ngân sách lớn nhất cả nước.

b) Với vai trò, định hướng là một cực tăng trưởng kinh tế toàn diện của phía Bắc, đóng vai trò hạt nhân trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ; là trung tâm khai thác than đá lớn nhất cả nước, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia; kinh tế biển, cảng biển và dịch vụ hậu cần cảng cũng là thế mạnh chiến lược, đóng góp lớn vào ngân sách và phát triển chung của vùng; là cửa ngõ giao thương với Trung Quốc, đóng vai trò là một mắt xích quan trọng trong chuỗi cung ứng và logistics của khu vực phía Bắc,... Theo đó, việc thành lập thành phố Quảng Ninh giúp kinh tế phát triển, tạo ra động lực tăng trưởng mới; đóng vai trò quan trọng, mang tính chiến lược đối với phát triển kinh tế phía Bắc nước ta, được xác định là cực tăng trưởng kinh tế toàn diện, là đầu tàu và hạt nhân của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ.

5. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ lịch sử hình thành và yêu cầu thực tiễn phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh thời gian qua

a) Quá trình phát triển đô thị của tỉnh Quảng Ninh đã diễn ra một cách mạnh mẽ, liên tục và có sự chuyển đổi mang tính đột phá, đặc biệt tăng tốc trong những năm gần đây, hướng tới mục tiêu trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, giai đoạn từ 2010 đến nay là giai đoạn bứt phá và đồng bộ hạ tầng. Theo đó, tỉnh đã thực hiện các quy hoạch tổng thể mang tầm quốc tế, xác định rõ các vùng kinh tế trọng điểm, các hành lang và vành đai kinh tế; đầu tư hạ tầng giao thông, việc đầu tư mạnh mẽ vào các công trình hạ tầng chiến lược như Cảng hàng không quốc tế Vân Đồn, hệ thống đường cao tốc và cầu Bạch Đằng đã tạo ra sự kết nối liên vùng, thay đổi hoàn toàn diện mạo và vị thế của các đô thị. Như vậy, giai đoạn này hình thành nhiều thành phố thuộc tỉnh theo mô hình đô thị đa cực, tập trung vào ba vùng động lực chính, gồm: khu vực phía Tây có Uông Bí, Đông Triều, Quảng Yên (Trung tâm công nghiệp, dịch vụ

logistics); khu vực trung tâm có Hạ Long, Cẩm Phả, Vân Đồn (trung tâm hành chính, du lịch, dịch vụ biển, kinh tế biển); khu vực phía Đông có Móng Cái, Hải Hà (Khu kinh tế cửa khẩu, thương mại quốc tế).

b) Quá trình phát triển mạnh mẽ về đô thị của tỉnh Quảng Ninh đã đẩy tỷ lệ đô thị hóa đạt mức cao so với mặt bằng chung cả nước; đồng thời, diện mạo đô thị được hình thành và từng bước hiện đại với các đô thị được đầu tư xây dựng hiện đại, xanh, sạch, đẹp, với nhiều khu đô thị kiểu mẫu, công viên, cảnh quan được chú trọng.

Như vậy, quá trình phát triển đô thị là tiền đề quan trọng, hướng tới mục tiêu lớn nhất là đưa Quảng Ninh trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương, đóng góp vào sự phát triển chung của Quốc gia.

6. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ yêu cầu bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc của dân tộc

a) Quảng Ninh là vùng đất giàu truyền thống lịch sử và văn hóa, được coi là nơi hội tụ và giao thoa của các luồng văn hóa từ miền núi xuống biển và từ đồng bằng lên trung du, tạo nên bản sắc độc đáo và đa dạng.

b) Việc Quảng Ninh trở thành Thành phố có ý nghĩa to lớn, là đòn bẩy chiến lược, củng cố nền tảng pháp lý, tài chính và nhân lực để Quảng Ninh thực hiện tốt sứ mệnh bảo tồn và phát huy tối đa các giá trị văn hóa lịch sử đặc sắc, không chỉ phục vụ cho sự phát triển của địa phương mà còn đóng góp vào kho tàng văn hóa chung của dân tộc Việt Nam và nhân loại, đặc biệt là các di sản thiên nhiên thế giới nổi tiếng như Vịnh Hạ Long - Quần đảo Cát Bà và Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử, Vĩnh Nghiêm, Côn Sơn - Kiếp Bạc; là bước cụ thể hóa Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển Văn hóa Việt Nam.

7. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ yêu cầu phát triển theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt

a) Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội đã xác định Quảng Ninh cùng với các tỉnh, thành phố Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng là 01 trong 02 vùng động lực phát triển kinh tế của cả nước gắn với cực tăng trưởng là Thủ đô Hà Nội; cùng với thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á; phát triển Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch quốc gia kết nối với các trung tâm du lịch quốc tế lớn của khu vực và thế giới.

b) Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 891/QĐ-TTg 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định đến năm 2030, tỉnh Quảng Ninh là đô thị loại I, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

c) Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến

năm 2050 tại Quyết định số 368/QĐ-TTg 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại; là cửa ngõ của vùng gắn với cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện; phát triển các ngành vận tải biển, dịch vụ cảng biển, du lịch biển đảo, kinh tế khoa học công nghệ biển và các ngành kinh tế biển mới (năng lượng tái tạo từ biển, công nghệ sinh học biển, dịch vụ và sản phẩm biển công nghệ cao,...); Quảng Ninh giữ vai trò là một trong những đầu tàu thúc đẩy sự phát triển của vùng, đặc biệt trong phát triển các ngành kinh tế dịch vụ, du lịch, công nghiệp; Hạ Long có vai trò là kết nối, hỗ trợ và lan tỏa sự phát triển từ vùng động lực Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh đến vùng biên giới Việt Trung, khu vực Vịnh Bắc Bộ.

d) Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 368/QĐ-TTg 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 80/QĐ-TTg 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ đã xác định đến năm 2030, tỉnh Quảng Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hóa gắn với nâng cao hiệu quả kinh tế đô thị, phát triển các đô thị đồng bộ về kinh tế, xã hội, kết cấu hạ tầng, kiến trúc, nhà ở, chất lượng sống của người dân; chú trọng các công trình, dự án xây dựng thấp tầng, thiết kế tự nhiên, thân thiện với môi trường tại các khu du lịch ven biển. Xây dựng và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng trưởng xanh, thông minh, văn minh, giàu bản sắc và có tính tiên phong dẫn dắt các hoạt động đổi mới sáng tạo, trở thành động lực của phát triển.

8. Thành lập thành phố Quảng Ninh xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

Quảng Ninh có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh, là tỉnh biên giới trên bộ và trên biển, giáp Trung Quốc, đóng vai trò là “phên giậu” phía Đông Bắc Tổ quốc, cửa ngõ hội nhập nên tỉnh luôn xác định quốc phòng - an ninh là trụ cột, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, sẵn sàng xử lý mọi tình huống bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia. Về mặt địa lý biên giới, Quảng Ninh có đường biên giới trên bộ và trên biển dài, tiếp giáp với khu vực biên giới quan trọng của Trung Quốc; về mặt cửa ngõ hội nhập, Quảng Ninh vừa là “phên giậu” tiền tiêu, vừa là cửa ngõ giao thương quốc tế năng động, kết hợp phát triển kinh tế với bảo đảm an ninh. Vì vậy, việc xây dựng, phát triển Quảng Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với Quân khu 3 và cả nước. Trong đó:

a) Mô hình Thành phố giúp tổ chức bộ máy hành chính thống nhất, hiệu quả hơn, đảm bảo sự chỉ đạo, điều hành thông suốt từ Trung ương đến địa phương trong các vấn đề liên quan đến quốc phòng - an ninh. Cơ chế quản lý mới tạo thuận lợi cho sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang trong việc nắm bắt tình hình, xử lý các tình huống phức tạp về an ninh trật tự, bảo vệ chủ quyền biên giới,

hải đảo.

b) Với vị thế thành phố trực cho phép Quảng Ninh chủ động hơn về ngân sách và các cơ chế tài chính đặc thù, tăng cường đầu tư cho các công trình quốc phòng, khu kinh tế quốc phòng và hiện đại hóa lực lượng vũ trang địa phương. Việc phát triển hạ tầng kinh tế được quy hoạch và xây dựng theo tiêu chuẩn cao, dễ dàng chuyển đổi sang mục đích quân sự khi cần, đảm bảo khả năng cơ động, hậu cần cho lực lượng quốc phòng.

c) Cùng cố “thế trận lòng dân” và an ninh biên giới với nguồn lực lớn hơn và cơ chế quản lý tốt hơn, Thành phố Quảng Ninh sẽ có điều kiện chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người dân, đặc biệt là đồng bào vùng biên giới, hải đảo. Đời sống ổn định, người dân tin tưởng vào chính quyền sẽ tạo nên “thế trận lòng dân” vững chắc, người dân vừa làm kinh tế vừa là những “cột mốc sống” bảo vệ biên cương, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở.

d) Nâng cao vị thế quốc tế và khả năng đối phó thách thức an ninh phi truyền thống. Với vị thế Thành phố trực thuộc Trung ương giúp Quảng Ninh chủ động hơn trong các hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế, giao lưu biên giới, thúc đẩy ngoại giao nhân dân, góp phần xây dựng môi trường hòa bình, ổn định. Với năng lực quản lý đô thị hiện đại và nguồn lực lớn, thành phố Quảng Ninh sẽ có khả năng ứng phó tốt hơn với các thách thức an ninh phi truyền thống như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, khủng hoảng kinh tế, đảm bảo sự ổn định chung cho cả nước.

II. ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

1. Điều kiện thành lập thành phố Quảng Ninh

1.1. Thành lập thành phố Quảng Ninh phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể là: Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội; Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 891/QĐ-TTg 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 368/QĐ-TTg 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 80/QĐ-TTg 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch chung đô thị Quảng Ninh.

1.2. Bảo đảm lợi ích chung của Quốc gia; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương các cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của địa phương.

1.3. Bảo đảm về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

1.4. Bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa địa phương; tạo sự thuận tiện cho nhân dân. Lịch sử và văn hóa Quảng Ninh là sự hòa quyện giữa văn hóa biển đảo cổ xưa, truyền thống anh hùng chống ngoại

xâm, trung tâm Phật giáo linh thiêng và văn hóa công nghiệp hiện đại, tạo nên một nền tảng vững chắc cho sự phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm lợi ích quốc gia.

1.5. Thành lập thành phố Quảng Ninh bảo đảm đạt các tiêu chuẩn theo quy định (đánh giá chi tiết tại khoản 2 dưới đây).

2. Đánh giá các tiêu chí thành phố

Căn cứ các tiêu chuẩn của thành phố quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, kết quả đánh giá so với hiện trạng tỉnh Quảng Ninh cụ thể như sau:

2.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

a) Quy định: Quy mô dân số từ 2.500.000 người trở lên; áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 (*Đơn vị hành chính đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50%*); theo đó, tiêu chuẩn quy mô dân số áp dụng với tỉnh Quảng Ninh từ 1.250.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Tỉnh Quảng Ninh có quy mô dân số là 1.519.647 người¹ (*đạt 121,57% so với tiêu chuẩn*)

c) Đánh giá: **Đạt.**

2.2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Diện tích tự nhiên từ 2.500 km² trở lên;

b) Hiện trạng: Tỉnh Quảng Ninh hiện có 6.231,30 km² diện tích tự nhiên² (*đạt 261,25% tiêu chuẩn*);

c) Đánh giá: **Đạt.**

2.3. Tiêu chuẩn 3: Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã

a) Quy định: Từ 30% trở lên;

b) Hiện trạng: Tỉnh Quảng Ninh hiện có 54 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 30 phường, 22 xã và 02 đặc khu. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã đạt 55,56%.

c) Đánh giá: **Đạt.**

2.4. Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ đô thị hóa

a) Quy định: Từ 45% trở lên;

b) Hiện trạng: Tỉnh Quảng Ninh có quy mô dân số là 1.519.647 người, trong đó quy mô dân số đô thị loại II và loại III là 1.284.862 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt 84,55% (1.284.862 người/1.519.647 người).

¹ Công văn số 3765/CAT-C06QLHC ngày 05/11/2025 của Công an tỉnh Quảng Ninh về việc cung cấp số liệu phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2026 - 2031;

² Công văn số 8262/SNN&MT-KHĐKĐĐ ngày 12/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ninh về việc cung cấp số liệu diện tích tự nhiên của các Đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp;

c) Đánh giá: **Đạt.**

2.5. Tiêu chuẩn 5: Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng của cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc cả nước

a) Hiện trạng: Theo Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng xây dựng, phát triển Quảng Ninh là một tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc; một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

b) Đánh giá: **Đạt.**

2.6. Tiêu chuẩn 6: Đã được công nhận là đô thị loại I

a) Hiện trạng

Căn cứ quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, quy định: Đô thị loại I được phân loại trên cơ sở 03 nhóm tiêu chí với 15 tiêu chuẩn và phải đạt tối thiểu 12/15 tiêu chuẩn. Đối chiếu với hiện trạng của tỉnh Quảng Ninh, qua rà soát, đánh giá sơ bộ tỉnh Quảng Ninh đạt **14/15 tiêu chuẩn**, cụ thể như sau:

- Tiêu chí 1: Vị trí, vai trò, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội **đạt 6/6 tiêu chuẩn.**

- Tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa **đạt 4/4 tiêu chuẩn**, trong đó tiêu chuẩn Quy mô dân số đô thị $\geq 2.500.000$ người; áp dụng yếu tố đặc thù quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 (đô thị có đường biên giới quốc gia trên đất liền thì mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy mô dân số bằng 50% mức quy định); quy mô dân số tỉnh Quảng Ninh là 1.519.647 người đánh giá đạt;

- Tiêu chí 3: Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị **đạt 4/5 tiêu chuẩn**, trong đó tiêu chuẩn chưa đạt là Phát triển đô thị bền vững đạt một trong các tiêu chuẩn sau: đô thị thông minh mức độ 1 hoặc 50% số lượng đô thị loại II, loại III có năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên.

Ngoài ra đối với đô thị loại II, III và các đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc đô thị phải đạt điểm từ 75 điểm trở lên. Qua rà soát sơ bộ, các đô thị, phường trên địa bàn tỉnh cần tiếp tục hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt, nâng cao các tiêu chuẩn đạt về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị (kết cấu hạ tầng giao thông cấp khu vực và quốc tế, giao thông đối ngoại và giao thông đô thị, nông thôn; hạ tầng cấp nước đô thị; hạ tầng chiếu sáng đô thị; hạ tầng không gian công cộng đô thị,

công viên; hạ tầng thu gom, xử lý nước thải³; hạ tầng thu gom, xử lý chất thải rắn; hạ tầng nghĩa trang, cơ sở hỏa táng, nhà tang lễ,...).

b) Đánh giá: **Cơ bản Đạt.**

2.7. Tiêu chuẩn 7: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Đạt 5/5 chỉ tiêu, bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Cân đối ngân sách thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương;

- Hiện trạng: Quảng Ninh là một trong những địa phương tự cân đối được ngân sách và đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Năm 2025, tổng thu ngân sách của tỉnh đạt 85.052 tỷ đồng, bằng 154% dự toán Trung ương giao, bằng 148% dự toán Tỉnh giao, tăng 58% so với cùng kỳ, khẳng định vị thế là một trong những địa phương đóng góp ngân sách lớn nhất cả nước.

- Đánh giá: **Đạt.**

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt từ 80% trở lên;

- Hiện trạng: Quy mô kinh tế tỉnh Quảng Ninh năm 2025 ước đạt 368.445 tỷ đồng, đứng thứ 7/34 tỉnh, thành phố; trong đó, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn đạt 95,37%.

- Đánh giá: **Đạt.**

c) Chỉ tiêu 3: Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của cả nước trong 03 năm gần nhất;

- Hiện trạng: Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Quảng Ninh (năm 2023 là 63,60 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 70,80 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 81,50 triệu đồng/người/năm) luôn cao hơn so với cả nước (năm 2023 là 59,52 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 64,92 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 70,80 triệu đồng/người/năm);

- Đánh giá: **Đạt.**

d) Chỉ tiêu 4: Tốc độ tăng trưởng GRDP trong 03 năm gần nhất đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP);

- Hiện trạng: Giai đoạn 2023 - 2025, tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh Quảng Ninh (năm 2023 là 10,69%, năm 2024 là 8,42%, năm 2025 là 11,89%) luôn cao hơn so với tốc độ tăng tổng sản phẩm (GDP) trong nước (năm 2023 là 5,07%, năm 2024 là 7,09, năm 2025 là 8,02%).

- Đánh giá: **Đạt.**

đ) Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của cả nước trong 03 năm gần nhất;

³ Sở Xây dựng đã báo cáo UBND tỉnh giao các Ban quản lý dự án khu vực I, II nghiên cứu đề xuất chủ trương đầu tư dự án thoát nước và xử lý nước thải tại các đô thị tập trung; các phường có bãi tắm du lịch nghiên cứu đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, xử lý nước thải gắn với bảo vệ môi trường.

- Hiện trạng: Giai đoạn 2023 - 2025, toàn tỉnh Quảng Ninh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều, thấp hơn so với tỷ lệ hộ nghèo của cả nước (năm 2023 là 4,03%, năm 2024 là 1,93%, năm 2025 là 1,30%).

- Đánh giá: **Đạt.**

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Tỉnh Quảng Ninh cơ bản **đáp ứng các điều kiện, đạt 7/7 tiêu chuẩn** của thành phố theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15; trong đó, đạt đủ 06 tiêu chuẩn, gồm: *Quy mô dân số; Diện tích tự nhiên; Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã; tỷ lệ đô thị hóa; Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng của cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc cả nước; cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội.* Đối với tiêu chí 6 (*Đã được công nhận là đô thị loại I*), qua rà soát thực trạng, đối chiếu với quy định hiện hành, tỉnh Quảng Ninh đã đạt tiêu chí này, hiện tỉnh đang hoàn thiện thủ tục trình Bộ Xây dựng công nhận.

III. PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP

1. Phương án thành lập

Thành lập thành phố Quảng Ninh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ địa giới hành chính tỉnh Quảng Ninh với 6.231,30 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 1.519.647 người.

2. Kết quả sau khi thành lập

a) Thành phố Quảng Ninh có diện tích tự nhiên là 6.231,30 km²; quy mô dân số là 1.519.647 người; có 54 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 30 phường, 22 xã và 02 đặc khu.

b) Địa giới hành chính thành phố Quảng Ninh: Đông giáp biển Đông; Tây giáp các tỉnh Bắc Ninh, Lạng Sơn; Nam giáp thành phố Hải Phòng; Bắc giáp Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

IV. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ QUẢNG NINH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

Xây dựng, phát triển Quảng Ninh là một thành phố tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; thành phố kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của Nhân dân; cực tăng trưởng kinh tế số, du lịch thông minh, trung tâm đổi mới sáng tạo của vùng Đông Bắc; một trong những trung tâm phát triển năng động, toàn diện; Lấy người dân làm trung tâm, gắn liền chuyển đổi số và phát triển bền vững đô thị phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế; hướng tới mô hình quản trị hiện đại dựa trên dữ liệu, cung cấp dịch vụ công toàn trình, dễ tiếp cận và phục vụ người dân 24/7, đồng thời triển khai rộng rãi các hệ thống giao thông, môi trường, an

ninh và hạ tầng kỹ thuật thông minh. Phát triển đô thị thông minh tỉnh Quảng Ninh theo hướng mở, liên thông và dẫn dắt; bảo đảm kết nối hạ tầng số, chia sẻ dữ liệu đô thị và phối hợp điều hành với các tỉnh trong khu vực nhằm tối ưu giao thông, môi trường, logistics, cảnh báo thiên tai và dịch vụ công liên tỉnh. Tập trung xây dựng nền tảng dữ liệu đô thị thống nhất, hình thành kiến trúc số và các nền tảng dùng chung (LGSP, định danh số, thanh toán số), bảo đảm sự liên thông, đồng bộ từ tỉnh đến các sở ngành và các xã/phường/đặc khu; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ thành phố vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Việc thành lập thành phố Quảng Ninh trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Quảng Ninh nhằm thực hiện các quan điểm, định hướng, mục tiêu của Trung ương về phát triển hệ thống đô thị nước ta và các quy định có liên quan. Với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của tỉnh Quảng Ninh diễn ra một cách mạnh mẽ, liên tục, có sự chuyển đổi mang tính đột phá, đặc biệt tăng tốc trong những năm gần đây. Đối chiếu với quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15, tỉnh Quảng Ninh đã cơ bản đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của Thành phố.

Thêm vào đó, tại khoản 6 Điều 12 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, có quy định: *“Trường hợp để đáp ứng yêu cầu đặc biệt về quản lý lãnh thổ, bảo vệ chủ quyền quốc gia hoặc phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế lớn của quốc gia theo định hướng của cấp có thẩm quyền thì đơn vị hành chính có thể được thành lập, nhập, chia hoặc điều chỉnh địa giới mà không áp dụng các tiêu chuẩn quy định tại Chương I của Nghị quyết này”*; do đó, để kịp thời trình Quốc hội xem xét, quyết định thành lập thành phố Quảng Ninh trong năm 2026, kính đề nghị Bộ Chính trị cho phép áp dụng các quy định để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực liên kết phát triển với các trung tâm kinh tế lớn của quốc gia theo định hướng của cấp có thẩm quyền (có Đề án chi tiết kèm theo).

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh kính trình Chính phủ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ,
- Bộ Nội vụ,
- Sở Nội vụ,
- UBND xã, phường, đặc khu;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Kháng

PHỤ LỤC
BẢNG TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ QUẢNG NINH

Stt	Tiêu chuẩn/Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
1	Quy mô dân số	Người	≥ 2.500.000; áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15, tiêu chuẩn quy mô dân số áp dụng với tỉnh Quảng Ninh từ 1.250.000 người trở lên	1.519.647	Đạt
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	≥ 2.500	6.231,30	Đạt
3	Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã	%	≥ 30	55,56	Đạt
4	Tỷ lệ đô thị hóa	%	≥ 45%	84,55	Đạt
5	Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng của cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc cả nước			Theo Quyết định số 80/QĐ-TTg ngày 11/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, định hướng xây dựng, phát triển Quảng Ninh là một tỉnh tiêu biểu của cả nước về mọi mặt; tỉnh kiểu mẫu giàu đẹp, văn minh, hiện đại, nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân; cực tăng trưởng của khu vực phía Bắc; một trong những trung tâm phát triển năng động,	Đạt

Stt	Tiêu chuẩn/Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
				toàn diện; trung tâm du lịch quốc tế, trung tâm kinh tế biển, cửa ngõ của Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và cả nước; đô thị phát triển bền vững theo mô hình tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; là khu vực phòng thủ tinh vững chắc về quốc phòng - an ninh và phòng tuyến hợp tác, cạnh tranh kinh tế quốc tế	
6	Đã được công nhận là đô thị loại I			Đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, tỉnh Quảng Ninh đạt 14/15 tiêu chuẩn	Đạt
7	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội				
7.1	Cân đối ngân sách thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương			Quảng Ninh là một trong những địa phương tự cân đối được ngân sách và đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước. Năm 2025, tổng thu ngân sách của tỉnh đạt 85.052 tỷ đồng, bằng 154% dự toán Trung ương giao, bằng 148% dự toán Tỉnh giao, tăng 58% so với cùng kỳ	Đạt

Stt	Tiêu chuẩn/Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức quy định	Hiện trạng	Đánh giá
7.2	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)	%	≥ 80	95,37	Đạt
7.3	Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của cả nước trong 03 năm gần nhất		Cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của cả nước (năm 2023 là 59,52 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 64,92 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 70,80 triệu đồng/người/năm)	Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Quảng Ninh (Năm 2023 là 63,60 triệu đồng/người/năm; Năm 2024 là 70,80 triệu đồng/người/năm; Năm 2025 là 81,50 triệu đồng/người/năm) luôn cao hơn so với cả nước	Đạt
7.4	Tốc độ tăng trưởng GRDP trong 03 năm gần nhất đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP)		Cao hơn tốc độ tăng tổng sản phẩm (GDP) trong nước (Năm 2023 là 5,07%; Năm 2024 là 7,09; Năm 2025 là 8,02%)	Giai đoạn 2023 - 2025, tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh Quảng Ninh (Năm 2023 là 10,69%; Năm 2024 là 8,42%; Năm 2025 là 11,89%) luôn cao hơn so với tốc độ tăng tổng sản phẩm (GDP) trong nước	Đạt
7.5	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của cả nước trong 03 năm gần nhất		Thấp hơn so với tỷ lệ hộ nghèo của cả nước (Năm 2023 là 4,03%; Năm 2024 là 1,93%; Năm 2025 là 1,30%)	Giai đoạn 2023 - 2025, toàn tỉnh Quảng Ninh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	Đạt